

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Dự án: Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án Di dân tái định cư Trường bắn quốc gia khu vực I

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 về việc phê duyệt lại dự án; Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện dự án “Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc Dự án di dân tái định cư Trường bắn quốc gia khu vực I”;

Theo đề nghị của Chi cục Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 09/TTr-PTNT ngày 15/4/2021; Sở Xây dựng tại Tờ trình số 62/TTr-SXD ngày 19/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Phê duyệt điều chỉnh Dự án: Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án Di dân tái định cư Trường bắn quốc gia khu vực I, cụ thể:*

I. Lý do điều chỉnh:

Dự án Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án Di dân tái định cư Trường bản quốc gia khu vực I được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 14/5/2014; phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 02/10/2014; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện dự án tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/8/2019. Công trình triển khai thực hiện từ năm 2015, đến nay một số hạng mục công trình đã thi công hoàn thành, đưa vào sử dụng; một số hạng mục công trình được UBND các xã huy động nguồn vốn khác để triển khai đầu tư, một số gia đình thuộc diện phải cứu đói hiện nay đã thoát nghèo nên không thuộc diện hỗ trợ. Ngoài ra, nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho dự án không đủ theo tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Để đảm bảo tính khả thi, phát huy hiệu quả đầu tư của dự án, việc điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục thuộc dự án là cần thiết, phù hợp với nội dung chủ trương điều chỉnh của UBND tỉnh đã chấp thuận tại Công văn số 5188/UBND-XD ngày 27/11/2020 và Công văn 1457/UBND-KTN ngày 09/4/2021.

II. Nội dung điều chỉnh dự án:

1. Nội dung điều chỉnh

1.1. Quy mô, nội dung điều chỉnh

1.1.1. Nội dung điều chỉnh giảm:

a) Hỗ trợ đời sống: giảm 26 hộ thiếu đói, hình thức hỗ trợ bằng tiền tương đương 20 kg gạo/khâu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng.

b) Hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất cho hộ nghèo: giảm 909 hộ nghèo và cận nghèo.

c) Đầu tư công trình thủy lợi nhỏ khác

- Kênh mương: xây mới và cứng hóa 26 tuyến kênh dài 15,385 km;

- Xây mới trạm bơm thủy lợi: 01 trạm bơm (xã Kim Sơn huyện Lục Ngạn);

- Làm mới 1,152 km Xiphông thủy lợi.

d) Đầu tư các công trình giao thông tại các xã

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại A: 04 tuyến, với tổng chiều dài 1,628 km;

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại B: 22 tuyến, với tổng chiều dài 13,766 km;

e) Làm mới 01 ngầm qua suối (xã Phúc Thắng huyện Sơn Động).

g) Đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục

- Xây mới 09 phòng học trường THCS với diện tích sàn xây dựng 802 m²;

- Xây mới 07 phòng học trường mầm non với diện tích sàn xây dựng 1.126 m²;

- Một số công trình phụ trợ khoảng 265 m².

1.1.2. Nội dung điều chỉnh tăng:

a) Đầu tư các công trình giao thông:

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại A: 05 tuyến, với tổng chiều dài 4,321 km:

+ Bê tông Hồ Quế 2, xã Thanh Hải, chiều dài 0,329 km;

+ Bê tông tuyến Cầu Sậy đi Giáp Hạ, xã Thanh Hải, chiều dài 0,766 km;

+ Bê tông tuyến Cầu Đền đi Cẩm Sơn, xã Thanh Hải, chiều dài 0,775 km;

+ Đường bê tông thôn Đồng Láy từ nhà ông Hạo đi nhà ông Héo, xã Kim Sơn, chiều dài 1,585 km;

+ Đường bê tông từ nhà ông Chu Văn Phượng đi Dọc Ồi, thôn Cái, xã Biên Sơn, chiều dài 0,866 km.

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại B: 02 tuyến với tổng chiều dài 1,1 km:

+ Cứng hóa đường bê tông thôn Thái Hòa-Chảo, xã Giáp Sơn, chiều dài 0,572 km;

+ Cứng hóa đường nội đồng thôn Hạ Long, xã Giáp Sơn, chiều dài 0,188 km.

b) Đầu tư các công trình dân dụng:

- Xây mới 10 phòng học với diện tích sàn xây dựng 1.145 m²;

+ Nhà lớp học 08 phòng học Trường mầm non xã Quý Sơn, diện tích sàn khoảng 990 m²;

+ Nhà lớp học 02 phòng Trường tiểu học Đồng Tâm xã Tân Lập, diện tích sàn khoảng 155 m².

- Xây mới 02 nhà văn hóa, 01 nhà đa năng với diện tích khoảng 738 m².

+ Nhà văn hóa thôn Na Hem, diện tích sàn khoảng 200 m²;

+ Nhà văn hóa thôn Cái Cạn, diện tích sàn khoảng 200 m²;

+ Nhà đa năng xã Phong Vân, diện tích sàn khoảng 338 m².

c) Khu khai hoang xã Tuấn Đạo:

- Tuyến đường từ đập Suối Cạn vào khu khai hoang: Điều chỉnh quy mô, kết cấu mặt đường từ thiết kế công trình đạt tiêu chuẩn GTNT cấp C địa hình miền núi thành thiết kế đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (chiều dài khoảng 800 m, trên tuyến có 03 vị trí ngầm qua suối).

- Tuyến đường nội đồng khu khai hoang: Với chiều dài 1.800m (trên tuyến có 05 vị trí ngầm qua suối) với điểm đầu nối tiếp với tuyến đường từ đập Suối Cạn vào khu khai hoang, điểm cuối đến chân đập dâng khu khai hoang.

1.2. Giải pháp thiết kế cơ sở (phần điều chỉnh tăng):

a) Đầu tư các công trình giao thông:

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại A: Chiều rộng nền đường $B_n=6,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 1,25\text{m}=2,5\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$; lề đường $I_l=4\%$; khe co giãn 5m bố trí 01 khe co, 35m bố trí 01 khe giãn. Kết cấu bê tông M250, dày 20cm trên lớp giấy dầu cách ly, cấp phối đá dăm loại II dày 12cm, nền đất đầm chặt $k \geq 0,95$.

- Nâng cấp, cải tạo đường GTNT loại B: Chiều rộng nền đường $B_n=4,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$; lề đường $I_l=4\%$; khe co giãn 5m bố trí 01 khe co, 35m bố trí 01 khe giãn. Kết cấu bê tông M250, dày 20cm trên lớp giấy dầu cách ly, cấp phối đá dăm loại II dày 12cm, nền đất đầm chặt $k \geq 0,95$.

- Thoát nước: Thiết kế thoát nước ngang, hệ thống rãnh dọc và các công trình trên tuyến đảm bảo đồng bộ, hoàn thiện.

b) Đầu tư các công trình dân dụng:

- Trường mầm non, xã Quý Sơn: Xây mới nhà lớp học 08 phòng học, 02 tầng; mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 57,85x11,7m (không bao gồm sân); nhà cao 02 tầng, chiều cao mỗi tầng 3,6m; bước gian 4,2m, gian cầu thang rộng 4,2m, khẩu độ 6,9m, hành lang trước rộng 2,4m, hiên phơi, khu vệ sinh sau nhà rộng 2,4m. Kết cấu móng đơn, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối, tường bao che sử dụng vật liệu không nung. Hoàn thiện nền lát gạch Ceramic, tường trong, tường ngoài, cột, dầm trần trát vữa, sơn trực tiếp 3 lớp; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dán an toàn; mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, PCCC, chống sét, chống mối... đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Trường tiểu học Đồng Tâm, xã Tân Lập: Xây mới nhà lớp học 02 phòng học, 01 tầng; mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 16,85x6,5m, chiều cao 3,6m; bước gian 4,2m, khẩu độ 6,5m, hành lang trước rộng 2,4m. Kết cấu móng đơn, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối, tường bao che sử dụng vật liệu không nung. Hoàn thiện nền lát gạch Ceramic, tường trong, tường ngoài, cột, dầm trần trát vữa, sơn trực tiếp 3 lớp; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dán an toàn; mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cấp điện, thoát nước, PCCC, chống sét, chống mối... đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Nhà văn hóa thôn Na Hem, xã Hộ Đáp: Xây mới nhà văn hóa, 01 tầng; mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 18,6x11,1m (không bao gồm sân), chiều cao 6,9m tới đỉnh mái; khẩu độ 9,3m, hành lang trước rộng 1,8m. Kết cấu móng đơn, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối, tường bao che sử dụng vật liệu không nung. Hoàn thiện nền lát gạch Ceramic, tường trong, tường ngoài, cột, dầm trần trát vữa, sơn trực tiếp 3 lớp; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dán an toàn; mái lợp tôn chống nóng trên hệ vì kèo thép hình. Hệ thống cấp điện, thoát nước, chống sét... đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Nhà văn hóa thôn Cái Cạn, xã Hộ Đáp: Xây mới nhà văn hóa, 01 tầng; mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 18,3x11,1m, chiều cao 6,9m tới đỉnh mái; khẩu độ 9,3m, hành lang trước rộng 1,8m. Kết cấu móng đơn, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối, tường bao che sử dụng vật liệu không nung. Hoàn thiện nền lát gạch Ceramic, tường trong, tường ngoài, cột, dầm trần trát vữa, sơn trực tiếp 3 lớp; cửa

đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dán an ; mái lợp tôn chống nóng trên hệ vì kèo thép hình. Hệ thống cấp điện, thoát nước, chống sét... đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Nhà đa năng, xã Phong Vân: Xây mới nhà đa năng, 01 tầng; mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 22,5x15,0m, chiều cao 9,1m tới đỉnh mái. Kết cấu móng cọc, cột, dầm bê tông cốt thép toàn khối, tường bao che sử dụng vật liệu không nung. Hoàn thiện nền sơn, tường trong, tường ngoài, cột, dầm trát vữa, sơn trực tiếp 3 lớp; cửa đi sắt xếp, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dán an toàn; mái lợp tôn chống nóng trên hệ vì kèo thép hình. Hệ thống cấp điện, thoát nước, chống sét... đồng bộ, hoàn chỉnh.

c) Khu khai hoang xã Tuấn Đạo:

- Tuyến đường từ đập Suối Cạn vào khu khai hoang: Chiều rộng nền đường $B_n=4,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$; chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$; lề đường $I_l=4\%$; khe co giãn 5m bố trí 01 khe co, 35m bố trí 01 khe giãn. Kết cấu bê tông M250, dày 20cm trên lớp giấy dầu cách ly, cấp phối đá dăm loại II dày 15cm, nền đất đầm chặt $k \geq 0,95$.

- Tuyến đường nội đồng khu khai hoang: Chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$; chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5 m=1,0m$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$; lề đường $I_l=4\%$; khe co giãn 5m bố trí 01 khe co, 35m bố trí 01 khe giãn. Kết cấu bê tông M250, dày 20cm trên lớp giấy dầu cách ly, cấp phối đá dăm loại II dày 15cm, nền đất đầm chặt $k \geq 0,95$.

- Thoát nước: Thiết kế thoát nước ngang, hệ thống rãnh dọc và các công trình trên tuyến đảm bảo đồng bộ, hoàn thiện.

2. Tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt (Theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh): **257.856,94 triệu đồng** (Hai trăm năm mươi bảy tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng)

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	204.629,87	triệu đồng
Chi phí thiết bị:	311,86	triệu đồng
Chi phí BT GPMB	3.112,71	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ đời sống:	7.634,64	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ sản xuất:	1.885,80	triệu đồng
Chi phí QLDA:	2.941,82	triệu đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	12.385,11	triệu đồng
Chi phí khác:	1.513,59	triệu đồng
Chi phí dự phòng:	23.441,54	triệu đồng

b) Giá trị đã thực hiện (theo chủ đầu tư trình): **142.795,90 triệu đồng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm nghìn đồng)

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	123.305,13	triệu đồng
Chi phí thiết bị:	155,93	triệu đồng
Chi phí BT GPMB	500,00	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ đời sống:	1.794,78	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ sản xuất:	931,00	triệu đồng
Chi phí QLDA:	3.931,60	triệu đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	10.763,32	triệu đồng
Chi phí khác:	1.414,14	triệu đồng
Chi phí dự phòng:	0	triệu đồng

c) Giá trị dự toán điều chỉnh, bổ sung: **31.679,07 triệu đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	26.815,80	triệu đồng
Chi phí QLDA:	466,96	triệu đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.233,92	triệu đồng
Chi phí khác:	282,47	triệu đồng
Chi phí dự phòng:	2.879,92	triệu đồng

d) Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **174.474,97 triệu đồng** (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư tỷ, bốn trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	150.120,93	triệu đồng
Chi phí thiết bị:	155,93	triệu đồng
Chi phí BT GPMB	500,00	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ đời sống:	1.794,78	triệu đồng
Chi phí hỗ trợ tập huấn nâng cao trình độ sản xuất:	931,00	triệu đồng
Chi phí QLDA:	4.398,56	triệu đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	11.997,24	triệu đồng
Chi phí khác:	1.696,61	triệu đồng
Chi phí dự phòng:	2.879,92	triệu đồng

3. Nguồn vốn:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 129.863 triệu đồng.
- Vốn Ngân sách tỉnh: 44.611,97 triệu đồng.

4. Thời gian thực hiện dự án: Thực hiện đến 31/12/2021.

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Số 585/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 về việc phê duyệt lại dự án; Số

1511/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Số 1433/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện dự án “Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc Dự án di dân tái định cư Trường bắn quốc gia khu vực I”.

Điều 2. Chi cục Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn; Chi cục Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục PTNT (lưu hồ sơ dự án);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
- + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích